

Số: 3336/QĐ-CHKQTTSN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục**
“Hợp tác kinh doanh các dịch vụ: Ăn uống, bách hóa tổng hợp, thu đổi ngoại tệ
và bán simcard tại nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”

GIÁM ĐỐC CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ TÂN SƠN NHẤT

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-HĐQT ngày 13/4/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc thành lập Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-HĐQT ngày 19/5/2020 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 115/QĐ-HĐQT ngày 26/4/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP;

Căn cứ Quyết định số 2145/QĐ-TCTCHKVN ngày 23/6/2020 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc Ban hành tài liệu khai thác công trình Nhà ga hành khách Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-HĐQT ngày 28/10/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc ban hành Quy chế quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không;

Căn cứ Công văn số 4848/HD-TCTCHKVN ngày 14/12/2022 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế về Quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không;

~~Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-HĐQT ngày 22/6/2023 của Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế về quản lý và tổ chức hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không ban hành theo Quyết định số 355/QĐ-HĐQT ngày 28/10/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP;~~

Căn cứ Quyết định số 2237/QĐ-CHKQTTSN ngày 05/7/2023 của Giám đốc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất về việc thành lập Tổ thẩm định, Tổ chuyên



gia lựa chọn đơn vị hợp tác kinh doanh, hợp tác khai thác, thuê mặt bằng, thuê mặt bằng/vị trí quảng cáo tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Tờ trình số 4173/TCTCHKVN-KDPTTT ngày 25/10/2022 của Ban kinh doanh phát triển thị trường về việc Phê duyệt lợi ích tối thiểu và tỉ lệ phân chia khởi điểm hợp tác kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 728/QĐ-TCTCHKVN ngày 28/2/2023 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc Phê duyệt phương án giá tối thiểu mặt bằng kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Quyết định số 1669/QĐ-TCTCHKVN ngày 26/4/2023 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam về việc Phê duyệt phương án giá tối thiểu, bổ sung/chuyển đổi dịch vụ/ngành nghề mặt bằng kinh doanh tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất;

Căn cứ Tờ trình số 1-1/TTr-TCG ngày 18/9/2023 về việc Trình duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Hợp tác kinh doanh các dịch vụ: Ăn uống, bách hóa tổng hợp, thu đổi ngoại tệ và bán simcard tại nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2-1/BC-TTĐ ngày 25/9/2023 của Tổ thẩm định về việc Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Hợp tác kinh doanh các dịch vụ: Ăn uống, bách hóa tổng hợp, thu đổi ngoại tệ và bán simcard tại nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn đối tác hạng mục “Hợp tác kinh doanh các dịch vụ: Ăn uống, bách hóa tổng hợp, thu đổi ngoại tệ và bán simcard tại nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất” với nội dung sau:

1. Tên hạng mục: Hợp tác kinh doanh các dịch vụ: Ăn uống, bách hóa tổng hợp, thu đổi ngoại tệ và bán simcard tại nhà ga quốc tế - Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất.
2. Bên mời hợp tác: Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
3. Vị trí, diện tích, ngành nghề kinh doanh trên mặt bằng hợp tác kinh doanh:

Stt	Vị trí	Mã vị trí	Diện tích (m ²)	ĐVT	Ngành nghề kinh doanh
1. KHU VỰC HẠN CHẾ QUỐC TẾ ĐẾN					
1	Khu vực cửa ra quốc tế đến cánh phải	IAGII	11,00	m ²	Dịch vụ thu đổi ngoại tệ/simcard

Stt	Vị trí	Mã vị trí	Diện tích (m ²)	ĐVT	Ngành nghề kinh doanh
2. KHU VỰC SẢNH QUỐC TẾ ĐI					
1	Khu vực lầu 3 sảnh quốc tế đi	ID306-c	65,00	m ²	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
			43,65	m ²	Nơi tập kết hàng hóa
2	Khu vực lầu 3 sảnh quốc tế đi	ID306-d	120,00	m ²	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
			29,40	m ²	Nơi tập kết hàng hóa
3	Khu vực lầu 3 sảnh quốc tế đi	ID306-e (*)	95,00	m ²	Ăn uống và bách hóa tổng hợp
3. KHU VỰC CÁCH LY QUỐC TẾ ĐI					
1	Khu vực cách ly quốc tế đi gate 22-25 – tầng trệt	IDG05	15,00	m ²	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
2	Khu vực cách ly quốc tế đi gate 22-25 – tầng trệt	IDG06 (*)	92,80	m ²	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
3	Khu vực cách ly quốc tế đi gate 27	ID121-c	15,00	m ²	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
4	Khu vực cách ly quốc tế đi gate 21	ID120-b	27,50	m ²	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
5	Khu vực quốc tế đi gate 6-9 – tầng 2	ID203	18,00	m ²	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
6	Khu vực cách ly quốc tế đi gate 22-25	ID229C	15,00	m ²	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
7	Khu vực cách ly quốc tế đi gate 22-25	ID229E	47,50	m ²	Ăn uống/bách hóa tổng hợp
8	Khu vực quốc tế đi gate 6-9 – tầng 2	ID204	20,00	m ²	Ăn uống/bách hóa tổng hợp

➤ Vị trí theo sơ đồ bản vẽ đính kèm

Ghi chú:

- Vị trí đánh dấu (*): Đơn vị tham gia lựa chọn không bắt buộc phải lấy toàn bộ diện tích.
 - Diện tích có thể thay đổi theo thực tế khai thác căn cứ trên Biên bản tiếp nhận mặt bằng/Biên bản nghiệm thu lắp đặt và đưa mặt bằng vào khai thác.
4. Phương án hợp tác kinh doanh:
- a. Góp vốn:
- + Cảng HKQT Tân Sơn Nhất (TIA) góp vốn bằng toàn bộ quyền quản lý, sử dụng, khai thác mặt bằng.
 - + Đối tác góp vốn bằng việc đầu tư cơ sở vật chất trên mặt bằng như: thiết kế, xây dựng, lắp đặt trang thiết bị, sửa chữa các công trình trên mặt bằng; khai thác, tổ chức khai thác kinh doanh mặt bằng.
- b. Lợi ích từ việc hợp tác kinh doanh được xác định:

Phương án phân chia: phân chia theo doanh thu

$$Li = t * D$$

Trong đó:

Li : Lợi ích từ việc hợp tác kinh doanh TIA được phân chia hàng tháng.

t : Tỷ lệ phân chia (tỷ lệ %).

D : Doanh thu thực tế phát sinh từ hoạt động hợp tác kinh doanh (chưa bao gồm thuế GTGT).

c. Tỷ lệ phân chia khởi điểm, lợi ích hợp tác tối thiểu:

Stt	Mã vị trí	Diện tích (m ²)	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ phân chia khởi điểm (t)	Lợi ích hợp tác tối thiểu TIA được phân chia hàng tháng (Li _{min}) (VND/m ² /tháng)
1. KHU VỰC HẠN CHẾ QUỐC TẾ ĐẾN					
1	IAGII	11,00	Dịch vụ thu đổi ngoại tệ/simcard	18%	4.500.000
2. KHU VỰC SẢNH QUỐC TẾ ĐI					
1	ID306-c	65,00	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp	18,5%	1.269.000
		43,65	Nơi tập kết hàng hóa		450.000
2	ID306-d	120,00	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp	18,5%	1.269.000
		29,40	Nơi tập kết hàng hóa		450.000
3	ID306-e (*)	95,00	Ăn uống/Bách hóa tổng hợp	18,5%	1.269.000
3. KHU VỰC CÁCH LY QUỐC TẾ ĐI					
1	IDG05	15,00	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	18%	2.760.000
2	IDG06 (*)	92,80	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	18%	2.716.000
3	ID121-c	15,00	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	18%	3.120.000
4	ID120-b	27,50	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	18%	1.938.000
5	ID203	18,00	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	17%	2.720.000
6	ID229C	15,00	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	15,5%	3.170.000
7	ID229E	47,5	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	15,5%	3.170.000

5-003
 QUỐC TẾ
 HẬT
 CÔNG T
 ÔNG
 TẬP
 CHỈ

Stt	Mã vị trí	Diện tích (m ²)	Ngành nghề kinh doanh	Tỉ lệ phân chia khởi điểm (t)	Lợi ích hợp tác tối thiểu TIA được phân chia hàng tháng (L _{min}) (USD/m ² /tháng)
3. KHU VỰC CÁCH LY QUỐC TẾ ĐI					
1	ID204	20,00	Ăn uống/bách hóa tổng hợp	17%	118

➤ Lợi ích hợp tác chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí sử dụng điện, nước, chi phí thi công cấp nguồn điện, điện thoại, internet.... và các chi phí khác (nếu có)

5. Hình thức lựa chọn đối tác: lựa chọn rộng rãi
6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn đối tác: tháng 09/2023.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
8. Thời gian hợp tác kinh doanh: **24 (hai mươi bốn) tháng** kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu lắp đặt và đưa mặt bằng vào khai thác.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

Đơn vị thực hiện: Phòng Kinh doanh phối hợp phòng Tài chính – Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng thực hiện.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định, các Ông/Bà thủ trưởng phòng Kinh doanh, phòng Tài chính-Kế toán, Trung tâm Khai thác ga Tân Sơn Nhất, Phòng An toàn - Kiểm soát chất lượng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung trên triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng trình tự, thủ tục và quy định hiện hành của Nhà nước, Tổng công ty cảng hàng không Việt Nam - CTCP./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- P.KD;
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC



Đặng Ngọc Cương